

Bản án số: 05/2019/KDTM-PT

Ngày: 05/07/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Hồng Căn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ánh
Ông Ngô Văn Thắng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Châu Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 và 05 tháng 07 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử công khai phúc thẩm vụ án thụ lý số: 07/2018/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 09 năm 2018 về: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐPT-KDTM ngày 22 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 05 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐ-PT ngày 04/06/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam(VCB).

Địa chỉ: Số 198, Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn Việt - Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hạ Long; Người được uỷ quyền lại: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Phó trưởng Phòng giao dịch Mạo Khê, thuộc chi nhánh Hạ Long (Giấy uỷ quyền số: 191/UQ-VCB-LHO ngày 11/03/2019), có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X.

Cùng địa chỉ: Khu Đông Sơn, phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (đã niêm yết hợp lệ)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. ông Bui Văn H và bà Nguyễn Thị N; cùng địa chỉ: Khu Vĩnh Tân, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.2. Bà Trần Thị T, anh Nguyễn Quang V và anh Nguyễn Quang D; cùng địa chỉ: Khu 7, phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh(bà Thuận, anh Dự có mặt. Anh Vinh vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt).

Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ: Tổ 23, La Sơn Phu Tử, phường Tây Lộc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M là bà Trần Thị T, có mặt.

3.3. Bà Phạm Thị V, anh Vũ Anh T và anh Vũ Thanh T; cùng địa chỉ: Thôn Xuân Bình, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; anh Tuyên có mặt. Bà Vĩnh, anh Tuấn vắng mặt (anh Tuấn có đơn xin xử vắng mặt).

3.4. ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị T; cùng địa chỉ: Thôn Trại Thông, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ông Trung vắng mặt ủy quyền cho bà Thương, bà Thương có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị T, bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị N và anh Vũ Thanh T: Ông Hà Mạnh H - Luật sư Công ty luật TNHH Bông Sen Vàng, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh, có mặt.*

3.5. Ủy ban nhân dân xã Bình Khê, thị xã Đông Triều; Địa chỉ: Thôn Trại Mới, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ông Lê Công V cùng vợ là bà Nguyễn Thị X có hộ khẩu thường trú tại khu Đông Sơn, xã Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh. Từ năm 2010 đến 2013, ông Lê Công V có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam(sau đây viết tắt là VCB), Chi nhánh Hạ Long để bổ sung vốn lưu động vào hoạt động kinh doanh xưởng gỗ của gia đình. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu ông Việt trả nợ đầy đủ, nhưng từ tháng 10/2013 ông Việt không thực hiện đúng cam kết trả nợ, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc. Cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số: 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012.

Số tiền vay là 800.000.000đ (Bằng chữ: Tám trăm triệu đồng). Lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng theo thông báo lãi suất của VCB từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Thời hạn rút vốn: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012 có hiệu lực. Số tiền đã nhận nợ (theo giấy nhận nợ số 1 ngày 31/10/2012): 800.000.000đ.

- Số tiền gốc đã trả nợ: 482.271.521 đồng.
- Tính đến hết ngày 20/7/2018, ông Việt, bà Xoa còn nợ là:
- Nợ gốc còn lại: 317.728.479 đồng;
- Nợ lãi: 209.366.542đồng;
- Lãi phạt (Lãi quá hạn): 40.000.643 đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012.

Số tiền vay là 500.000.000đ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng theo thông báo lãi suất của VCB từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Thời hạn rút vốn: 03 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 có hiệu lực. Số tiền đã nhận nợ (theo giấy nhận nợ số 1 ngày 28/12/2012): 500.000.000đ.

- Số tiền gốc đã trả nợ: 0 đồng.
- Tính đến hết ngày 20/7/2018, ông Việt, bà Xoa còn nợ là:
- Nợ gốc là: 500.000.000 đồng;
- Lãi là: 242.425.001đồng;
- Lãi phạt (Lãi quá hạn) là: 45.514.167đồng.

Hợp đồng tín dụng số: 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013.

Số tiền vay là 500.000.000đ (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng). Lãi suất cho vay trong hạn được áp dụng theo thông báo lãi suất của VCB. Lãi suất quá hạn bằng 120% lãi suất trong hạn. Thời hạn rút vốn: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013 có hiệu lực. Số tiền đã nhận nợ (theo giấy nhận nợ số 1 ngày 11/09/2013): 500.000.000 đ.

- Số tiền gốc đã trả nợ: 0 đồng.
- Tính đến hết ngày 20/7/2018, ông Việt, bà Xoa còn nợ là:
- Nợ gốc: 500.000.000 đồng;
- Lãi: 241.708.333đồng;
- Lãi phạt (lãi quá hạn): 38.069.445đồng.

Như vậy, tổng số tiền phải trả của cả ba hợp đồng là: 2.134.782.610đ (*Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám hai nghìn sáu trăm mười đồng*).

Về tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012 là 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất, diện tích 384m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng diện tích 120m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 27/10/2003 cho hộ bà Trần Thị T. Địa chỉ thửa đất: khu Đông Sơn, xã Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 62/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 đã được Ủy ban nhân dân phường Xuân Sơn chứng thực ngày 28/10/2011.

- Quyền sử dụng đất, diện tích 484m² và tài sản trên đất là nhà biệt thự diện tích 120m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 532261 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 29/09/2003 cho hộ ông Phạm Văn T. Địa chỉ thửa đất: thôn Trại Thông, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 đã được Ủy ban nhân dân xã Bình Khê chứng thực ngày 28/10/2011.

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 là quyền sử dụng đất, diện tích 677,2m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng diện tích 80m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 622075 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 19/06/2006 cho hộ bà Nguyễn Thị N. Địa chỉ thửa đất: khu Vĩnh Tân, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07A/2010/TC/VCBHL-LCV/QNH ngày 17/12/2010 đã được Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê chứng thực ngày 20/12/2010.

Tài sản bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng số số 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013 là quyền sử dụng đất, diện tích 2.224m² và tài sản trên đất là nhà cấp bốn diện tích 70m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 532876 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 22/10/2003 cho hộ bà Phạm Thị

V. Địa chỉ thửa đất: Thôn Xuân Bình, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41/11/HĐTC/DTTH ngày 13/7/2011 đã được Ủy ban nhân dân xã Bình Khê chứng thực ngày 22/7/2011.

Ngày 03/10/2013 và Ngày 16/05/2014, căn cứ theo dư nợ còn lại của 3 hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải chấp 02 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Nguyễn Văn Túc và bà Nguyễn Thị Tạm.

Như vậy, ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của VCB.

Với những nội dung và lý do đã trình bày nêu trên, VCB khởi kiện để giải quyết theo quy định của pháp luật với yêu cầu:

1. Tuyên Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được đơn phương chấm dứt 03 hợp đồng tín dụng số 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012; số 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012; số 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/9/2013 đã ký với ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị X.

2. Tuyên buộc ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị X thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 20/7/2018 (do tiền lãi vẫn đang tiếp tục phát sinh) là: 2.140.947.049đ (Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi chín đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, chi phí khác phát sinh cho đến khi ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị X thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo các hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Tiếp tục duy trì để xử lý tài sản đảm bảo, giao cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quyền quản lý tài sản đảm bảo, để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp đã ký giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Ngân hàng.

4. Đối với tài sản thế chấp của ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị T, nếu Tòa án xử tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; xem xét trách nhiệm đối với ông Phạm Văn T và UBND xã Bình Khê, thị xã Đông Triều trong việc dẫn đến hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu. Những người liên quan đến việc dẫn đến hợp đồng số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hợp đồng bị vô hiệu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X không có quan điểm, còn tại bản tự khai của bị đơn ông Lê Công V trình bày có nội dung:

Ngày 31/10/2012 vợ chồng tôi ký hợp đồng tín dụng số 82 với VCB, vay số tiền 800.000.000đ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp là 03 hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của hộ ông Phạm Văn T, hộ bà Trần Thị T và hộ bà Phạm Thị V. Đến ngày 28/12/2012 lại ký hợp đồng tín dụng số 118 với VCB, vay số tiền 500.000.000đ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị N. Ngày 11/9/2013 vợ chồng tôi ký hợp đồng tín dụng số 67 với

VCB, vay số tiền 500.000.000đ, mục đích bổ sung vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 12%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Tổng cộng, vợ chồng còn nợ Ngân hàng số tiền là 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng). Vợ chồng đã trả được 440.200.000đ. Kể từ ngày 26/5/2015 không trả được tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện với số tiền gốc là 1.359.800.000đ và tiền lãi là 442.019.312đ, tiền lãi phạt là 73.294.100đ. Tổng số là 1.875.113.452đ. Do khó khăn, có đề nghị Ngân hàng cho được trả dần số tiền gốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V không có quan điểm, còn tại bản tự khai của anh Vũ Thanh T trình bày có nội dung: Vợ chồng anh Việt, chị Xoa mượn sổ đỏ thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng, theo hợp đồng thế chấp số 41/11/HĐTC ngày 13/7/2011 bảo đảm cho khoản vay là 118.935.351đ. Đến ngày 10/01/2015 anh Việt, chị Xoa làm ăn thua lỗ, Ngân hàng đã khởi kiện anh Việt, chị Xoa. Ngày 08/7/2015 làm việc tại Tòa án, anh Việt cam kết trả 10.000.000đ/tháng cho đến khi trả hết nợ, gia đình tôi cũng cam kết cho anh Việt một triệu một tháng vào tiền gốc trong số 118.935.351đ. Gia đình tôi đã thực hiện trả được số tiền là 17.000.000đ, nhưng anh Việt không thực hiện theo cam kết ngày 08/7/2015, vì vậy tôi cũng không thực hiện. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy khai ngày 22/5/2017 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Anh T trình bày có nội dung: Thời điểm em trai là Vũ Thanh T có sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình cho anh Lê Công V vay tiền anh không biết. Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ đối với ông Việt, bà Xoa, anh đề nghị với Ngân hàng cho gia đình trả dần và đại diện gia đình là anh Vũ Thanh T, vì hiện anh đang thi hành án phạt tù, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bui Văn H không có quan điểm, còn tại bản tự khai của bà Nguyễn Thị N trình bày có nội dung:

Ngày 17/12/2010 vợ chồng bà cho anh Việt, chị Xoa mượn sổ đỏ thế chấp Ngân hàng để vay tiền, lúc đó thỏa thuận miệng cho mượn hai năm, nhưng đến năm 2014 Ngân hàng thông báo quá hạn bà mới biết. Tài sản chung của vợ chồng bà là quyền sử dụng đất 677,2m² tại khu Vĩnh Tân, Mạo Khê, Đông Triều, bà yêu cầu Ngân hàng đôn đốc anh Việt thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 08/7/2015 làm việc tại Tòa án, bà Ngoan và ông Hồng thỏa thuận thực hiện trả 1.500.000đ mỗi tháng cùng với anh Việt và đã thực hiện trả được hai tháng là 3.000.000đ, nhưng do anh Việt không thực hiện nên bà không thực hiện.

Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày có nội dung: Tôi cho anh Lê Công V, chị Nguyễn Thị X mượn sổ đỏ thế chấp vay Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 62/11/HĐTC/ĐTTH ngày 28/10/2011 bảo đảm cho số tiền vay là 341.226.157đ. Đến nay, do làm ăn thua lỗ, anh Việt không trả nợ cho Ngân hàng. Tháng 7/2015 Ngân hàng khởi kiện ra Tòa, ngày 8/7/2015 tại phiên hòa giải đã thỏa thuận gia đình chúng tôi cùng với vợ chồng anh Việt cùng trả nợ, gia đình tôi hỗ trợ trả cho anh Việt 1.600.000đ/tháng và tôi đã trả được 20.200.000đ. Nhưng sau đó anh Việt không thực hiện, nên tôi cũng không thực hiện tiếp. Sau khi Tòa án tiếp tục giải quyết thì đến ngày 18/6/2018 bà tiếp tục thực hiện trả cho Ngân hàng 30.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày có nội dung: Ông và bà Trần Thị T kết hôn từ năm 1973, có đăng ký kết hôn, nhưng nay ông cư trú tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, còn nguồn gốc diện tích 384m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 27/10/2003 cho hộ bà Trần Thị T, địa chỉ thửa đất, khu Đông Sơn, Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh, là của bố mẹ ông cho ông và bà Thuận, trên đất có nhà mái bằng khoảng 70m² do con ông là anh Nguyễn Quang D xây dựng từ năm 2009, hiện đang ở trên thửa đất cùng bà Thuận. Vì ở xa nên ông ủy quyền cho bà Thuận tham gia giải quyết tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang D trình bày có nội dung: Anh là con chung của ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị T, về nguồn gốc diện tích 384m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Trần Thị T là của ông Mễ và bà Thuận, năm 2009 anh xây dựng ngôi nhà mái bằng khoảng 70m² trên đất, nhưng anh từ chối tham gia tố tụng, nhất trí theo quan điểm của bà Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang V trình bày có nội dung: Anh là con chung của ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị T, về nguồn gốc diện tích 384m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Trần Thị T là của ông Mễ và bà Thuận, còn anh đã tách khẩu khỏi hộ bà Thuận từ ngày 13/5/2009, anh từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại Biên bản lấy khai ngày 24/11/2016 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày có nội dung: Ông và vợ chồng anh Việt, chị Xoa có quan hệ là chú cháu, vào năm 2011 ông có cho vợ chồng anh Việt, chị Xoa mượn tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 134/QSĐĐ/BK được Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp năm 2003, để thế chấp tại Ngân hàng với mục đích vay vốn kinh doanh, thời gian đó ông đã ký hợp đồng thế chấp, còn vợ ông là bà Đặng Thị T không có mặt tại địa phương, vì bà Thương đã bỏ đi từ năm 2010. Ông khẳng định chữ ký của bà Thương trong Hợp đồng thế chấp và Biên bản định giá tài sản bảo đảm ngày 28/11/2011 không phải chữ ký của bà Thương. Ông Trung thể hiện quan điểm, nếu anh Việt, chị Xoa không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông xem xét bán một phần đất để trả nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T trình bày có nội dung:

Ngày 16/5/2010, bà đi làm giúp việc tại Móng Cái, trong thời gian đó, chồng bà là ông Phạm Văn T ở nhà có cho vợ chồng anh Lê Công V mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, để thế chấp vay số tiền 454.931.000đ tại Ngân hàng VCB, nhưng không được sự đồng ý của bà, anh Việt đã giả mạo chữ ký của bà để lập hồ sơ vay tiền. Ngày 12/8/2017, bà Thương có đơn đề nghị trung cầu giám định chữ ký. Tòa án ra quyết định trung cầu giám định số: 10/2017/QĐ-TCGD ngày 28/11/2017. Kết luận giám định số: 504A/C54-P5 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Đặng Thị T dưới mục: “Bên thế chấp” tại trang 6 trên tài liệu ký hiệu A1 và tại trang 2 trên tài

liệu ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký và viết ra.

Bà Thương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu. Trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà.

Tại Văn bản trình bày ngày 29/01/2018 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Bình Khê bày có nội dung:

Ngày 28/10/2011 có xác nhận, ký tên đóng dấu vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/2011/HĐTS/DTTH giữa bên thế chấp là anh Phạm Văn T cùng sở hữu là chị Đặng Thị T, bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Hạ Long, Phòng giao dịch Mạo Khê là do khi anh Trung chuyển hồ sơ về để Ủy ban nhân dân xã ký xác nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân xã thấy chữ ký của anh Trung, chị Thương và đại diện Ngân hàng đã ký tên và đóng dấu đầy đủ, nên ký chứng thực hợp đồng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 127 và 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 1, 2, 4, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012, Hợp đồng tín dụng số 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 và Hợp đồng tín dụng số 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013 với tổng số tiền là: 2.134.782.610đ (Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám hai nghìn sáu trăm mười đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 1.317.728.479đ; Tiền lãi trong hạn: 693.469.876đ; Tiền lãi quá hạn: 123.045.051đ. Tổng số tiền là: 2.134.782.610đ (Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám hai nghìn sáu trăm mười đồng).

Kể từ ngày 21/7/2018 ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải trả lãi đối với số tiền gốc theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong các Hợp đồng tín dụng số: 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012, Hợp đồng tín dụng số: 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Đặng Thị T về tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu.

2.1. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu.

2.2. Buộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thực hiện xóa đăng ký thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số V 532261 do Ủy

ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ ông Phạm Văn T, địa chỉ thửa đất, thôn Trại Thông, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 29/9/2003 cho ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị T.

3. Về tài sản thế chấp:

3.1. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 384m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 27/10/2003 cho hộ bà Trần Thị T, địa chỉ thửa đất: khu Đông Sơn, phường Xuân Sơn, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh.

3.2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07A/2010/TC/VCBHL-LCV/QNH ngày 17/12/2010 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 677,2m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng diện tích 80m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 622075 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ thửa đất, khu Vĩnh Tân, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, Quảng Ninh.

3.3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41/11/HĐTC/DTTH ngày 13/7/2011 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 2.224m² và tài sản trên đất là nhà cấp bốn diện tích 70m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 532876 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp ngày 22/10/2003 cho hộ bà Phạm Thị V, địa chỉ thửa đất, khu Thôn Xuân Bình, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải chịu 74.495.652đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải chịu 300.000đ án phí do tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Trả lại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 34.126.000đ theo Biên lai thu tiền số 0006598 ngày 06/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Trả lại bà Thương số tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo Biên lai thu tiền số 0007128 ngày 29/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải hoàn trả cho bà Đặng Thị T 5.000.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định.

Trong các ngày 06, 07 và 10/08/2018, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Thanh T, bà Nguyễn Thị N và ông Bui Văn H, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Quang D có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam nhận thế chấp không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng phải làm thủ tục xóa thế chấp, trả lại Giấy CNQSD đất cho các hộ gia đình trên.

Ngày 10/08/2018, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/11/HĐTC ngày 28/10/2011 vô hiệu là không đảm bảo quyền và lợi ích của Ngân hàng, vì chữ ký của ông Trung là thật. Đề nghị cấp phúc thẩm

tuyên công nhận Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực đối với phần tài sản của ông Trung.

Ngày 10/08/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều có Quyết định số 01/QĐKN-VKS kháng nghị đối với bản án sơ thẩm nêu trên, về vi phạm trong tuyên bố Hợp đồng thế chấp vô hiệu, về xác minh thu thập chứng cứ, về ghi nhận và giải thích về quyền yêu cầu thi hành án dân sự và áp dụng án phí.

Ngày 08/06/2019, anh Vũ Anh T có đơn đề nghị xem xét quyền lợi cho anh, vì khi mẹ anh là bà Vĩnh cho mượn Giấy CNQSD đất anh không biết, chữ ký trong Hợp đồng thế chấp không phải chữ ký của anh.

Ngày 30/06/2019, anh Nguyễn Quang V có đơn xin vắng mặt và có quan điểm: Vì lý do công việc, anh không thể tham gia tố tụng tại Tòa, mọi vấn đề liên quan đến anh, anh hoàn toàn nhất trí theo ý kiến của bà Thuận và anh Dự.

Tại phiên tòa, những người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đặng Thị T, bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị N và ông Vũ Thanh T đề nghị HĐXX xem xét các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62, số 63, số 41 và số 07A đều có dấu hiệu vi phạm quy định của Bộ luật dân sự; Luật công chứng và Nghị định số 75/2000 về Công chứng, chứng thực. Đề nghị HĐXX tuyên bố các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên vô hiệu.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự; Đối với Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Các bị đơn không có mặt tham gia tố tụng dẫn đến vụ án bị kéo dài. Về nội dung, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của VCB và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trong các ngày 31/10/2012; 28/12/2012 và ngày 11/09/2013, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam(VCB), Chi nhánh Hạ Long, Phòng giao dịch Mạo Khê, thị xã Đông Triều ký các Hợp đồng tín dụng số 82; 118 và 67 cho vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X vay tiền, mục đích để kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi xuất theo thông báo của Ngân hàng, với tổng số tiền gốc của 03 Hợp đồng vay là 1.800.000.000đ. Tài sản bảo đảm gồm 04 quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của các Hộ gia đình bà Nguyễn Thị N, bà Phạm Thị V; bà Trần Thị T, ông Phạm Văn T, theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 07A ngày 17/12/2010; số 41 ngày 13/07/2011; số 62; 63 ngày 28/10/2011. Do từ tháng 10/2013 đến nay, ông Việt, bà Xoa không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nên VCB khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Việt, bà Xoa phải có nghĩa vụ trả nợ cho VCB số tiền tạm tính đến ngày 20/07/2018 cả nợ gốc và lãi là 2.134.782.610 đồng là có căn cứ.

[2]. Xét kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều, thấy:

[2.1]. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều và Kháng cáo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam(VCB) về nội dung tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63 ngày 28/10/2011 vô hiệu:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63 ngày 28/10/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc sở hữu chung hợp nhất của vợ chồng ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị T. Tòa án cấp sơ thẩm đã điều tra, xác minh và đã xác định bà Thương không biết, không tham gia ký kết Hợp đồng thế chấp nêu trên và không đồng ý cho vợ chồng ông Việt, bà Xoa mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền Ngân hàng, nhưng ông Trung đã tự ý ký kết Hợp đồng thế chấp nêu trên khi không có sự đồng ý của bà Thương là trái quy định tại khoản 2 Điều 219 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 4 Điều 4 nghị định 70/2001/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó cấp sơ thẩm tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không xử lý hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, cấp phúc thẩm bỏ xung cho đúng quy định của pháp luật. Như vậy, Kháng cáo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

[2.2]. Đối với kháng cáo của bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn M, anh Vũ Thanh T, bà Nguyễn Thị N và ông Bui Văn H và anh Nguyễn Quang D:

Theo Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam(VCB), thì VCB khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:.. “3. *Tiếp tục duy trì để xử lý tài sản đảm bảo, giao cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quyền quản lý các tài sản đảm bảo để đảm bảo thi hành án trong trường hợp ông Lê Công V - bà Nguyễn Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng theo các Hợp đồng thế chấp đã ký giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long*”. Theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu này của Nguyên đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62/11/HĐTC/DTTH ngày 28/11/2011; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07A/2010/TC/VCBHL-LCV/QNH ngày 17/12/2010 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41/11/HĐTC/DTTH ngày 13/07/2011 để bảo đảm thi hành án, là vượt quá thẩm quyền của Tòa án (trừ trường hợp đối với Hợp đồng thế chấp số 63, do bà Thương có yêu cầu độc lập), vì vậy cấp phúc thẩm sẽ tuyên hủy phần này của bản án sơ thẩm. Do nội dung này không thuộc thẩm quyền của Tòa án, nên không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bà Thuận, ông Mễ, anh Dự, bà Ngoan, ông Hồng, anh Tuyên, trả lại đơn kháng cáo cho các đương sự.

[2.3]. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát về áp dụng pháp luật và án phí: Vụ án được thụ lý từ ngày 06/10/2016 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án là không chính xác, trường hợp này phải áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 mới đúng quy định của pháp luật. Về án phí buộc vợ chồng anh Việt, chị Xoa phải chịu có thể do nhầm số, cấp phúc thẩm sửa lại cho chính xác. Về giải thích quyền yêu cầu Thi hành án cũng như việc điều chỉnh lãi xuất theo hợp đồng, cấp phúc thẩm cũng sẽ sửa cho đúng quy định. Như vậy kháng nghị của Viện kiểm sát đối với nội dung này là có căn cứ, nên chấp nhận.

[3]. *Về án phí và các chi phí tố tụng:*

Do trả lại đơn kháng cáo nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Thuận, ông Mễ, bà Ngoan, ông Hồng, anh Dự, anh Tuyên. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Triều; Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Điều 471, 474, 127 và 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật Đất đai; Pháp lệnh về án phí và lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng số 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012, Hợp đồng tín dụng số 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 và Hợp đồng tín dụng số 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013 với tổng số tiền là:

Tiền nợ gốc: 1.317.728.479đ (một tỷ ba trăm mười bảy triệu bảy trăm hai tám nghìn bốn trăm bảy chín đồng);

Tiền nợ lãi trong hạn: 693.469.876đ (Sáu trăm chín ba triệu bốn trăm sáu chín nghìn tám trăm bảy sáu đồng);

Tiền lãi phạt (Lãi quá hạn): 123.045.051đ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm năm một đồng).

Tổng số tiền là: 2.134.782.610đ (Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám hai nghìn sáu trăm mười đồng).

Kể từ ngày 21/7/2018 ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải trả lãi đối với số tiền gốc theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong các Hợp đồng tín dụng số: 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012, Hợp đồng tín dụng số: 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của

Ngân hàng, thì lãi xuất phải trả cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng cho vay.

2.1. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu.

2.2. Buộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam thực hiện xóa đăng ký thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất số V 532261, vào sổ cấp GCNQSDĐ số 134/QSDĐ/BK ngày 29/9/2003 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều cấp cho hộ ông Phạm Văn T, địa chỉ thửa đất, thôn Trại Thông, xã Bình Khê, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Trong trường hợp buộc ông Phạm Văn T phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết trong Hợp đồng trên, thì các bên phải thực hiện định giá tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 306 Bộ luật dân sự năm 2015 và ông Trung phải thực hiện nghĩa vụ phân trị giá tài sản bằng 50% giá trị tài sản định giá.

3.1. Hủy phần: “Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011, để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 384m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Trần Thị T, địa chỉ thửa đất, khu Đông Sơn, Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh, ngày 27/10/2003”.

3.2. Hủy phần: “Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07A/2010/TC/VCBHL-LCV/QNH ngày 17/12/2010 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 677,2m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng diện tích 80m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 622075 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ thửa đất, khu Vĩnh Tân, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh”.

3.3. Hủy phần: “Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41/11/HĐTC/DTTH ngày 13/7/2011 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 2.224m² và tài sản trên đất là nhà cấp bốn diện tích 70m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 532876 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Phạm Thị V, địa chỉ thửa đất, khu Thôn Xuân Bình, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 22/10/2003”.

Trả lại đơn kháng cáo cho bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn M, anh Nguyễn Văn Dự, bà Nguyễn Thị N, ông Bui Văn H, anh Vũ Thanh T.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải chịu 74.695.652đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải chịu 300.000đ án phí do tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và 300.000đ án phí phúc thẩm (được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp).

Trả lại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 34.126.000đ, theo Biên lai thu tiền số 0006598 ngày 06/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Trả lại bà Thương số tiền tạm ứng án phí 300.000đ, theo Biên lai thu tiền số 0007128 ngày 29/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Trả lại bà Thuận, ông Mễ, anh Dự, bà Ngoan, ông Hồng, anh Tuyên mỗi người 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phải hoàn trả cho bà Đặng Thị T 5.000.000đ (năm triệu đồng chẵn) tiền tạm ứng chi phí giám định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THA DS thị xã Đông Triều;
- Đương sự;
- Người bảo vệ QVLIHP;
- THA, VP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Hồng Căn

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721, 127 và 137 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 167 Luật Đất đai; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; khoản 1, 2, 4, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các Hợp đồng tín

dụng số 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012, Hợp đồng tín dụng số 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 và Hợp đồng tín dụng số 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013 với tổng số tiền là:

Tiền nợ gốc: 1.317.728.479đ (một tỷ ba trăm mười bảy triệu bảy trăm hai tám nghìn bốn trăm bảy chín đồng);

Tiền nợ lãi trong hạn: 693.469.876đ (Sáu trăm chín ba triệu bốn trăm sáu chín nghìn tám trăm bảy sáu đồng);

Tiền lãi phạt (Lãi quá hạn): 123.045.051đ (Một trăm hai mươi ba triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn không trăm năm một đồng).

Tổng số tiền là: 2.134.782.610đ (Hai tỷ một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám hai nghìn sáu trăm mười đồng).

Kể từ ngày 21/7/2018 ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải trả lãi đối với số tiền gốc theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên trong các Hợp đồng tín dụng số: 82/12/MK/BL/DTTH ngày 31/10/2012, Hợp đồng tín dụng số: 118/12/MK/BL/DTTH ngày 28/12/2012 và Hợp đồng tín dụng số: 67/13/MK/BL/DTTH ngày 11/09/2013.

2. Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Đặng Thị T về tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản vô hiệu.

2.1. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 63/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011 vô hiệu.

2.2. Buộc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, thực hiện xóa đăng ký thế chấp, trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 532261 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ ông Phạm Văn T, địa chỉ thửa đất, thôn Trại Thông, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 29/9/2003 cho ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị T.

3. Về tài sản thế chấp:

3.1. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 62/11/HĐTC/DTTH ngày 28/10/2011, để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 384m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 051347 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Trần Thị T, địa chỉ thửa đất, khu Đông Sơn, Xuân Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh, ngày 27/10/2003.

3.2. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 07A/2010/TC/VCBHL-LCV/QNH ngày 17/12/2010 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 677,2m² và tài sản trên đất là nhà mái bằng diện tích 80m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 622075 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N, địa chỉ thửa đất, khu Vĩnh Tân, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh.

3.3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 41/11/HĐTC/DTTH ngày 13/7/2011 để bảo đảm thi hành án. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, diện tích 2.224m² và tài sản trên đất là nhà cấp bốn diện tích 70m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 532876 do Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều cấp cho hộ bà Phạm Thị V, địa chỉ thửa đất, khu Thôn Xuân Bình, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, ngày 22/10/2003.

4. *Về án phí:* Vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị X phải chịu 74.495.652đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải chịu 300.000đ án phí do tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 34.126.000đ theo Biên lai thu tiền số 0006598 ngày 06/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Trả lại chị Thương số tiền tạm ứng án phí 300.000đ Biên lai thu tiền số 0007128 ngày 29/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam phải hoàn trả cho chị Đặng Thị T 5.000.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, bà Trần Thị T, ông Nguyễn Văn M, chị Đặng Thị T, anh Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị N, anh Vũ Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ông Lê Công V, bà Nguyễn Thị X, Ủy ban nhân dân xã Bình Khê, ông Bui Văn H, bà Phạm Thị V, anh Vũ Anh T, anh Nguyễn Quang V và anh Nguyễn Quang D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quốc Nam